

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản và Kiện đòi
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và K kiện đòi tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/DSST-QĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số D, đường N, tổ G, khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T1 – sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Tổ C, ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(anh T vắng mặt có lý do; chị T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/4/2024, Công ty Cổ phần S – chi nhánh T2 (sau đây gọi tắt là Công ty) và chị Nguyễn Thị Thu T1 đã ký kết Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X. Theo đó, chị T1 đồng ý cầm cố cho Công ty A xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90 với số tiền cầm cố là

15.053.191đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn cầm cố là 12 tháng, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng; phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn là 8%. Chị T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi cố định hàng tháng là 1.388.687đ kể từ tháng 5/2024 đến tháng 4/2025. Công ty đã giữ lại bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 60000754 do Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/4/2023.

Cũng trong ngày 10/4/2024, Công ty đã giải ngân cho chị T1 số tiền 15.053.191đ đúng theo thỏa thuận cầm cố.

Ngoài ra, để phục vụ nhu cầu đi lại, công việc chị T1 đã mượn lại xe mô tô nêu trên. Hai bên lập Giấy mượn xe ngày 10/4/2024 và thỏa thuận thời hạn mượn là 30 ngày, kể từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/5/2024. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 812.872đ/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 chưa thanh toán được cho Công ty các nghĩa vụ trong Hợp đồng cầm cố. Chị T1 vẫn không thực hiện việc giao trả tài sản mượn là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90 cho Công ty.

Công ty đã liên hệ với chị T1 nhiều lần nhưng chị T1 vẫn không có thiện chí thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe.

Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán phí phạt vi phạm là 4.877.234đ và xử lý tài sản đảm bảo đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phí phạt vi phạm và không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 17/4/2025 gồm: Nợ gốc là 15.053.191đ, nợ lãi trong hạn là 1.107.606đ, nợ lãi quá hạn là 2.980.531đ, phí quản lý hồ sơ là 503.457đ, phí mượn xe là 9.754.468đ, tổng cộng là 29.399.253đ.

Ngoài ra, Công ty yêu cầu chị T1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/4/2025 đến ngày chị T1 trả hết nợ cho Công ty theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024.

Khi chị T1 thanh toán hết nợ thì Công ty đồng ý trả lại cho chị T1 bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 60000754 do Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/4/2023.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập chị T1 đến Tòa án làm việc nhưng chị T1 không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán phí phạt vi phạm là 4.877.234đ.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc là 15.053.191đ, nợ lãi trong hạn là 1.107.606đ, nợ lãi quá hạn là 2.980.531đ, phí quản lý hồ sơ là 503.457đ, phí mượn xe là 9.754.468đ, tổng cộng là 29.399.253đ.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán nợ phát sinh từ Hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe. Chị T1 đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và K đòi tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Công ty Cổ phần S Có Ngay là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu T1 là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần S ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T đại diện tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định anh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, chỉ T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe từ ngày 10/5/2024. Ngày 28/10/2024, Công ty Cổ phần S Có Ngay nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty còn trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, trong vụ án này không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do giao dịch dân sự được xác lập và thực hiện từ ngày 10/4/2024 nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là các Điều 280, 309, 314, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán phí phạt vi phạm với số tiền là 4.877.234đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phí phạt vi phạm. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố:

[4.1]. Về số tiền nợ gốc: Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán số tiền nợ gốc là 15.053.191đ.

Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, đủ cơ sở xác định: Vào ngày 10/4/2024, chị Nguyễn Thị Thu T1 ký Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X. Theo đó, chị T1 đồng ý cầm cố cho Công ty A xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90 với số tiền cầm cố là 15.053.191đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 chưa thanh toán tiền gốc cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố.

Xét nội dung các đương sự thỏa thuận là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận cầm cố giữa các bên có hiệu lực. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 15.053.191đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Về số tiền lãi, phí: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ theo thỏa thuận tại

Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016 ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*”.

Xét thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ của các bên tại Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024 phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu thanh toán các khoản tiền lãi, phí nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 1.107.606đ.
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 2.980.531đ.
- Phí quản lý hồ sơ là 503.457đ.

[4.4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 17/4/2025 gồm nợ gốc là nợ gốc là 15.053.191đ, nợ lãi trong hạn là 1.107.606đ, nợ lãi quá hạn là 2.980.531đ, phí quản lý hồ sơ là 503.457đ, tổng cộng là 19.644.785đ; làm tròn là 19.645.000đ.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thu T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay và chị T1 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho chị T1 bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 60000754 do Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/4/2023.

[5]. Về phí mượn xe: Sau khi ký kết Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024, do không có phương tiện đi lại nên chị T1 đã ký kết Giấy mượn xe ngày 10/4/2024 để mượn lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/5/2024. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 812.872đ/tháng. Sau khi mượn xe, chị T1 không trả lại xe và trả phí mượn xe cho Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc Công ty Cổ phần S Có Ngay cho chị T1 mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90 sau khi đã cầm cố là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự. Chị T1 đã vi phạm cam kết trong Giấy mượn xe ngày 10/4/2024 nên Công ty yêu cầu chị T1 trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tính đến ngày 17/4/2025 là 9.754.468đ có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 9.754.468đ, làm tròn là 9.754.000đ.

[6]. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 60B3-757.90. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Án phí được tính là 29.399.000đ (= 19.645.000đ + 9.754.000đ) x 5% = 1.469.950đ. Làm tròn là 1.470.000đ.

[8]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 280, 309, 314, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị định 96/2016 ngày 01/7/2016 của Chính phủ;
- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán phí phạt vi phạm là 4.877.234đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 về việc Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và K đòi tài sản.

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc là 15.053.191đ, nợ lãi trong hạn là 1.107.606đ, nợ lãi quá hạn là 2.980.531đ, phí quản lý hồ sơ là 503.457đ, tổng cộng là 19.644.785đ. Làm tròn là 19.645.000đ (Mười chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thu T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số T1M240401001NA20X ngày 10/4/2024 giữa Công ty Cổ phần S – chi nhánh T2 và chị T1 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Thu T1 thanh toán hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho chị T1 bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn

máy số 60000754 do Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/4/2023.

2.2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 9.754.468đ. Làm tròn là 9.754.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 1.470.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 594.000đ (Năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) Công ty đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013781 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi